

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP 1945 VÀ NHỮNG KHÍA CẠNH QUỐC TẾ NỔI BẬT

NGUYỄN QUỐC HÙNG*

1. Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một áng văn - chính trị bất hủ, là bản Tuyên ngôn độc lập thứ ba của dân tộc ta. Càng lùi sâu vào quá khứ, bản Tuyên ngôn độc lập của Người càng ngời sáng những giá trị tư tưởng lớn và các thế hệ người Việt Nam chúng ta ngày càng nhận thức sâu sắc hơn những giá trị đó.

Bài viết ngắn này chỉ đề cập tới các khía cạnh quốc tế của bản Tuyên ngôn, nhất là trong bối cảnh thế giới lúc bấy giờ.

Những giá trị tư tưởng lớn của Tuyên ngôn là bắt nguồn từ quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ của Hồ Chí Minh trong hành trình tìm đường cứu nước. Người đã làm nhiều nghề để hòa mình vào cuộc sống của những người lao động thuộc các màu da, Người đã đi hầu khắp năm châu bốn biển để mở rộng tầm mắt và tích lũy kiến thức. Người đã tới và sống nhiều năm ở các trung tâm văn minh lớn của thế giới đương thời như Paris, London và New York... cũng như tới Saint Peterburg - Moskva trung tâm của cách mạng thế giới lúc bấy giờ. Tất cả những kiến thức văn hóa rộng lớn, những nhận thức lý luận và kinh nghiệm chính trị phong phú, và cả cuộc sống đầy thử thách gian lao của Người đều

vì một mục đích: giải phóng dân tộc, giành lại độc lập cho đất nước. Gs. Trần Văn Giàu đã viết *"Giành độc lập dân tộc trở thành tiêu chuẩn của chân lý; chân lý đó sẽ theo Nguyễn suốt cuộc đời chiến sĩ dài hơn nửa thế kỷ bất kỳ gặp những khó khăn tay trời nào"* (1).

2. Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh đã mở đầu bằng câu trích từ Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ:

"Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Có thể nói đây là một trong những câu hay nhất, có giá trị nhất (nếu không muốn nói là hay nhất, có giá trị nhất) trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ. Tuy cách xa nhau tới 169 năm và cũng khác nhau xa về hoàn cảnh lịch sử, nhưng hai bản Tuyên ngôn độc lập ấy lại có những điều trùng hợp nhau thật lý thú.

Trước hết, đó là tư tưởng cơ bản nổi bật nhất và xuyên suốt trong cả hai bản Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ và Việt Nam - tư tưởng Độc lập và Tự do cho đất nước. Tuyên ngôn độc lập 1776 của Hoa Kỳ viết: "Đại hội của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ trịnh

* PGS. Đại học Quốc gia Hà Nội

trọng công khai và tuyên bố rằng các thuộc địa liên minh với nhau (tức Hoa Kỳ - NQH) đã và có quyền phải là Quốc gia Tự do và Độc lập" (2).

Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của Việt Nam viết: "Chúng tôi - Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã trở thành một nước tự do và độc lập" (3).

Hai là, sau khi khẳng định: Tạo hóa cho mọi người những quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc, Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ đã tố cáo những tội ác của thực dân Anh - đứng đầu là vua nước Anh - đối với nhân dân Hoa Kỳ, ngăn cản cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của họ. Tuyên ngôn tố cáo tới gần 30 tội ác của thực dân Anh. Tất cả những hành động đó "chỉ có thể gọi đúng tên là bạo chúa" (4).

Sau khi nhắc lại quyền con người được khẳng định trong Tuyên ngôn độc lập 1776 của Hoa Kỳ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1791 của Cách mạng Pháp, Tuyên ngôn độc lập 1945 của Hồ Chí Minh đã tố cáo những tội ác tàn bạo của thực dân Pháp đối với nhân dân ta, có tới trên 10 tội ác tày trời, và "Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa". Tuyên ngôn độc lập 1945 của Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh tới cuộc đấu tranh gan góc của nhân dân ta chống phát xít Nhật và thực dân Pháp.

Ba là, tính dân chủ, sự đại diện rộng rãi cho nhân dân của cả hai bản Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ và Việt Nam là số người đứng tên cùng chủ trương và chịu trách nhiệm với lịch sử. Ở bản Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ là 57 vị, thay mặt cho các bang của nước Mỹ lúc bấy giờ. Tuyên ngôn độc lập của nước ta có 15 vị, đứng đầu

là Hồ Chí Minh, thay mặt cho các tầng lớp nhân dân cả nước ta.

Như một lô gích tất yếu là ý chí độc lập tự do của nhân dân ta và cả việc nước ta đã giành lại được độc lập cần phải được sự khẳng định và công nhận của cộng đồng quốc tế. Vì vậy, trong phần cuối Tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh nhấn mạnh:

"Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Teheran và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không nhận quyền độc lập của dân Việt Nam".

Nói các nước Đồng minh nhưng Hồ Chí Minh muốn nhằm trước hết vào ba nước Mỹ, Anh và Liên Xô - ba cường quốc trụ cột của khối Đồng minh chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ Hai (1939 - 1945), và tại Hội nghị Teheran cũng chỉ gồm đại diện của ba cường quốc này.

Hội nghị Teheran họp từ 28-11 đến 1-12-1943 vào lúc cuộc Thế chiến thứ Hai đã chuyển sang một bước ngoặt căn bản với sự bại trận của các nước phát xít Đức, Ý, Nhật là không thể đảo ngược được và chiến thắng của khối Đồng minh là rõ ràng. Hội nghị Teheran được triệu tập là nhằm đẩy mạnh việc phối hợp tác chiến giữa ba cường quốc và bắt đầu thảo luận việc tổ chức lại thế giới sau chiến tranh. Hội nghị đã ra bản *Tuyên bố của ba cường quốc* để ngày 1-12-1943 dưới ký tên Roosevelt, Stalin, Churchill. Bản Tuyên bố bày tỏ: "Chúng tôi chờ đợi một cách tin tưởng vào ngày mà tất cả các dân tộc trên thế giới sẽ được sống tự do, không còn phải chịu đựng những hành động bạo tàn, phù hợp với những ước vọng khác nhau và lương tri của mình" (5). Như thế, có nghĩa là các dân tộc dù lớn hoặc nhỏ đều phải được độc lập, tự do.

Vào giai đoạn cuối của cuộc Chiến tranh thế giới thứ Hai, một hội nghị quốc tế lớn đã được tiến hành tại San Francisco (Mỹ) với sự tham gia của đại diện 50 quốc gia của khối Đồng minh chống phát xít là để soạn thảo, thông qua bản Hiến chương và tuyên bố thành lập Liên hợp quốc. Liên hợp quốc ra đời là nhằm duy trì hoà bình an ninh thế giới. Một tư tưởng căn bản trong Hiến chương, một trong 5 nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc là tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc không phân biệt lớn, nhỏ.

Như thế, Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh đã khẳng định trong nó những tư tưởng cao cả, những giá trị văn minh của loài người qua Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp; khẳng định quyền độc lập và tự do của dân tộc ta là phù hợp với sự thừa nhận chung của cộng đồng quốc tế qua các văn kiện của hai Hội nghị Teheran và San Francisco. Tuyên ngôn vừa mang tính lịch sử sâu sắc lại vừa theo sát, cập nhật với những sự kiện mới nhất của nền chính trị thế giới đương thời.

3. Là một chiến sĩ hoạt động lâu năm trong Quốc tế cộng sản, Hồ Chí Minh đã theo dõi sát sao hoặc trực tiếp tham dự nhiều đại hội của Quốc tế cộng sản. Là người trung thành với chủ nghĩa Lênin như Hồ Chí Minh đã từng phát biểu nhiều lần trên các diễn đàn của Quốc tế cộng sản, nhưng Hồ Chí Minh cũng ghi nhớ lời căn dặn của Lênin đối với những người cộng sản ở các nước phương Đông thuộc địa: "... trước mắt các bạn đang có một nhiệm vụ mà trước kia những người cộng sản toàn thế giới không có: Dựa vào lý luận thực tiễn chung của chủ nghĩa cộng sản, áp dụng những điều kiện đặc biệt không có ở các nước châu Âu, các bạn phải biết vận dụng

lý luận và thực tiễn ấy vào điều kiện mà nông dân là quần chúng cơ bản, khi cần phải giải quyết nhiệm vụ đấu tranh không phải là chống tư bản mà là chống những tàn tích của thời trung cổ". Thấm nhuần sâu sắc lời căn dặn đó, Hồ Chí Minh đã vận dụng đầy sáng tạo vào thực tiễn tình hình nước ta, một nước thuộc địa nửa phong kiến để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, nhất là trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuyên ngôn độc lập đã thể hiện một cách đặc sắc điều đó, khi nhà nước Cộng hòa non trẻ vừa ra đời, lại hầu như bị bao vây bốn phía, đơn độc trong vòng vây của các thế lực chống đối và cách xa trung tâm cách mạng thế giới.

Trở lại với các hoạt động của Quốc tế cộng sản. Có thể nói trong một thời gian dài, Quốc tế cộng sản thực hiện đường lối "giai cấp chống giai cấp", và tới Đại hội VI năm 1928, đường lối đó được đưa vào một trong những nhiệm vụ trước mắt của các đảng cộng sản các nước. Đường lối này chủ trương tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp triệt để, hoàn toàn bác bỏ đường lối hợp tác với các phân tử phái hữu, cải lương. Bên cạnh những nghị quyết đúng đắn là cơ bản, Đại hội VI đã có một số nhận định không hoàn toàn đúng đắn về giai cấp tư sản ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, cho rằng giai cấp tư sản bản xứ "là một phái đặc biệt, do dự, sẵn sàng thỏa hiệp" (7) với chủ nghĩa đế quốc. Và, "trong tất cả các cuộc xung đột với đế quốc, giai cấp tư sản dân tộc một mặt làm ra vẻ" kiên quyết trong những nguyên tắc dân tộc chủ nghĩa", mặt khác, nó gieo rắc những ảo tưởng về khả năng thương lượng hòa bình với đế quốc (8). Như thế, giai cấp tư sản dân tộc ở các nước thuộc địa không phải là một lực lượng có ý

Vào giai đoạn cuối của cuộc Chiến tranh thế giới thứ Hai, một hội nghị quốc tế lớn đã được tiến hành tại San Francisco (Mỹ) với sự tham gia của đại diện 50 quốc gia của khối Đồng minh chống phát xít là để soạn thảo, thông qua bản Hiến chương và tuyên bố thành lập Liên hợp quốc. Liên hợp quốc ra đời là nhằm duy trì hoà bình an ninh thế giới. Một tư tưởng căn bản trong Hiến chương, một trong 5 nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc là tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc không phân biệt lớn, nhỏ.

Như thế, Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh đã khẳng định trong nó những tư tưởng cao cả, những giá trị văn minh của loài người qua Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp; khẳng định quyền độc lập và tự do của dân tộc ta là phù hợp với sự thừa nhận chung của cộng đồng quốc tế qua các văn kiện của hai Hội nghị Teheran và San Francisco. Tuyên ngôn vừa mang tính lịch sử sắc sảo lại vừa theo sát, cập nhật với những sự kiện mới nhất của nền chính trị thế giới đương thời.

3. Là một chiến sĩ hoạt động lâu năm trong Quốc tế cộng sản, Hồ Chí Minh đã theo dõi sát sao hoặc trực tiếp tham dự nhiều đại hội của Quốc tế cộng sản. Là người trung thành với chủ nghĩa Lênin như Hồ Chí Minh đã từng phát biểu nhiều lần trên các diễn đàn của Quốc tế cộng sản, nhưng Hồ Chí Minh cũng ghi nhớ lời căn dặn của Lênin đối với những người cộng sản ở các nước phương Đông thuộc địa: "... trước mắt các bạn đang có một nhiệm vụ mà trước kia những người cộng sản toàn thế giới không có: Dựa vào lý luận thực tiễn chung của chủ nghĩa cộng sản, áp dụng những điều kiện đặc biệt không có ở các nước châu Âu, các bạn phải biết vận dụng

lý luận và thực tiễn ấy vào điều kiện mà nông dân là quần chúng cơ bản, khi cần phải giải quyết nhiệm vụ đấu tranh không phải là chống tư bản mà là chống những tàn tích của thời trung cổ". Thấm nhuần sâu sắc lời căn dặn đó, Hồ Chí Minh đã vận dụng đầy sáng tạo vào thực tiễn tình hình nước ta, một nước thuộc địa nửa phong kiến để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, nhất là trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuyên ngôn độc lập đã thể hiện một cách đặc sắc điều đó, khi nhà nước Cộng hòa non trẻ vừa ra đời, lại hầu như bị bao vây bốn phía, đơn độc trong vòng vây của các thế lực chống đối và cách xa trung tâm cách mạng thế giới.

Trở lại với các hoạt động của Quốc tế cộng sản. Có thể nói trong một thời gian dài, Quốc tế cộng sản thực hiện đường lối "giai cấp chống giai cấp", và tới Đại hội VI năm 1928, đường lối đó được đưa vào một trong những nhiệm vụ trước mắt của các đảng cộng sản các nước. Đường lối này chủ trương tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp triệt để, hoàn toàn bác bỏ đường lối hợp tác với các phần tử phái hữu, cải lương. Bên cạnh những nghị quyết đúng đắn là cơ bản, Đại hội VI đã có một số nhận định không hoàn toàn đúng đắn về giai cấp tư sản ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, cho rằng giai cấp tư sản bản xứ "là một phái đặc biệt, do dự, sẵn sàng thỏa hiệp" (7) với chủ nghĩa đế quốc. Và, "trong tất cả các cuộc xung đột với đế quốc, giai cấp tư sản dân tộc một mặt làm ra vẻ" kiên quyết trong những nguyên tắc dân tộc chủ nghĩa", mặt khác, nó gieo rắc những ảo tưởng về khả năng thương lượng hòa bình với đế quốc (8). Như thế, giai cấp tư sản dân tộc ở các nước thuộc địa không phải là một lực lượng có ý

nghĩa đấu tranh chống đế quốc. Còn đối với tầng lớp trí thức tiểu tư sản, sinh viên văn kiện Đại hội VI nhận định: "... thường là những người đại diện kiên quyết nhất chẳng những cho lợi ích đặc thù của giai cấp tiểu tư sản, mà cả cho lợi ích khách quan chung của toàn bộ giai cấp tư sản dân tộc" (9). Như thế, trí thức tiểu tư sản đã được xếp vào một "rọ" cùng với giai cấp tư sản.

Tới giữa những năm 30 của thế kỷ XX, trước những nguy cơ nghiêm trọng của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới, Quốc tế cộng sản đã có những sự điều chỉnh chiến lược quan trọng nhằm khắc phục chủ nghĩa biệt phái tự cô lập và tập hợp lực lượng rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống phát xít và chiến tranh. Đại hội VII Quốc tế cộng sản (1935) đã đề ra đường lối thành lập mặt trận thống nhất của công nhân và của nhân dân ở các nước. Đó là những quyết định đúng đắn và kịp thời, nhưng chủ yếu là đối với đảng cộng sản và giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa trước hết ở các nước châu Âu. Nhưng đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trong Báo cáo của G. Dimitrov - báo cáo quan trọng nhất của Đại hội VII - lại chỉ dành có 2, 3 trang ngắn với những chỉ dẫn chung nhất như cần phải thành lập mặt trận thống nhất chống đế quốc và chú ý những điều kiện khác nhau và mức độ trưởng thành khác nhau của phong trào giải phóng dân tộc (10). Tiếp đó dài hơn là những chỉ dẫn với các nước Braxin, Ấn Độ và Trung Quốc.

Mặc dầu đã dốc hết mọi cố gắng đấu tranh, nhưng Quốc tế cộng sản và các đảng cộng sản đã không thể ngăn chặn cuộc chiến tranh thế giới mới. Đầu tháng 9-1939, cuộc Chiến tranh thế giới thứ Hai đã bùng nổ ở châu Âu, sau đó lan rộng tới khu

vực châu Á - Thái Bình Dương. Đây cũng chính là thời cơ cho thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Đầu năm 1941, Hồ Chí Minh trở về nước sau 30 năm bôn ba khắp thế giới. Kể từ đây, Người trực tiếp lãnh đạo và tổ chức phong trào cách mạng nước ta để giành độc lập cho Tổ quốc.

Nhưng với những chỉ dẫn như thế của Quốc tế cộng sản sẽ tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng như thế nào ở nước ta? Đây là một câu hỏi lớn. Với kiến thức uyên bác, sự mẫn cảm và tầm nhìn chính trị rộng lớn cũng như vượt qua những hạn chế của Quốc tế cộng sản về vấn đề dân tộc thuộc địa (và cả những "di chứng" của nó), Hồ Chí Minh đã có những cống hiến đặc sắc, đầy sáng tạo trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, nhất là trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 và bản Tuyên ngôn độc lập thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trước hết, Tuyên ngôn độc lập thể hiện ý chí độc lập của toàn thể dân tộc, của toàn thể các tầng lớp nhân dân ta. Đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngay từ năm 1930, trong Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt của Đảng, Hồ Chí Minh chủ trương đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết không chỉ giai cấp công nhân, nông dân mà kể cả phú nông, trung tiểu địa chủ và tư sản. Những điều này hẳn là rất khác với Đề cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Đại hội VI Quốc tế cộng sản mới chỉ cách đó chưa đầy hai năm. Tuyên ngôn độc lập đã chỉ rõ chính những giai cấp ấy đã bị thực dân Pháp áp bức bóc lột, tất cả họ đều mang cái nhục là những người dân nô lệ mất nước, kể cả giai cấp tư sản "không được giàu lên" (Rất tiếc, sau này nguyên văn câu viết trong Tuyên ngôn độc lập là "Chúng không cho các nhà tư sản ta

được giàu lên" đã bị sửa lại là "Chúng không cho các nhà tư sản bóc lột" và không cụ thể lại không sát với bản chất kinh doanh và mục đích của họ).

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, nước ta đã độc lập nhưng nhân dân ta sẽ xây dựng chế độ chính trị như thế nào?. Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh đã trả lời rõ ràng: Sau khi đánh đổ xiềng xích thực dân, đánh đổ chế độ quân chủ, dân ta "lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa", "lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa". Có một nét khác biệt so với các nước Đông Âu lúc bấy giờ, tuy đều là thắng lợi của các cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Sau khi đánh đổ ách thống trị của phát xít Đức, đất nước được giải phóng, lúc đó tất cả các nước Đông Âu đều có chung một tên gọi là các nước Cộng hòa nhân dân, bởi họ có sự hậu thuẫn trực tiếp của Hồng quân Liên Xô. Còn nước ta lại trong vòng vây bốn phía của nhiều kẻ thù, chỉ có thể dựa hoàn toàn vào sức mình nên tên gọi Dân chủ Cộng hòa là thích hợp với tình hình nước ta lúc đó và có sự tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân cả nước, nhất là tránh không cho kẻ thù vin cơ khiêu khích chống phá (vào cuối 1945 Đảng ta đã phải tuyên bố tự giải tán", rút vào hoạt động không công khai). Tư tưởng thiết lập chế độ Dân chủ Cộng hòa và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được đề ra từ tháng 5-1941 tại Hội nghị Trung ương lần thứ VIII của Đảng ta (11) dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh, đã chứng tỏ tầm nhìn xa và sát hợp với tình hình đất nước của Người và Đảng ta.

Lại có một khác biệt nữa trong quan điểm của Hồ Chí Minh đối với trí thức qua Tuyên ngôn độc lập... Nếu đề cương về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa của Đại hội VI Quốc tế

cộng sản cho rằng trí thức là gắn liền với lợi ích của giai cấp tư sản dân tộc, thì Hồ Chí Minh lại có cách nhìn nhận khác đối với trí thức nước ta. Luật sư Phan Anh, một trí thức lớn lúc bấy giờ, kể lại: "Bác Hồ luôn luôn coi trí thức là vốn quý của dân tộc... Bác nói: "Tôi tin trí thức "... Bác nói, và đã làm đúng như vậy. Bác tin dùng trí thức, trí thức tin tuyệt đối ở Bác" (12). Vì lẽ đó, trong số 15 vị đứng tên trong Tuyên ngôn độc lập 1945 của nước ta thì bên cạnh các nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp còn đa phần là các trí thức tiêu biểu như Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Đình Hoè... nhiều người trong đó thuộc diện không đảng phái. 15 vị đó là những người đại diện tiêu biểu của các tầng lớp nhân dân ta. Điều đó cũng có những nét khác biệt so với Tuyên ngôn độc lập ở một số nước khác. Như đã viết ở trên, trong Tuyên ngôn độc lập 1776 của Hoa Kỳ có 57 vị đứng tên là đại diện cho 13 bang đầu tiên, những bang khởi thủy lập nên nước Mỹ ngày nay. Tính nhân dân rộng rãi đó dựa trên cơ sở địa - chính trị của Hoa Kỳ. Sau này, trong Tuyên ngôn độc lập 1945 rất ngắn gọn của Indônêxia, đứng tên là hai nhà hoạt động chính trị nổi tiếng của nước này là Sukarno và Hatta. Sau đó, hai ông đã trở thành Tổng thống và Phó Tổng thống của nước Cộng hòa Indônêxia độc lập.

60 năm đã trôi qua, Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của Hồ Chí Minh vẫn ngời sáng những giá trị tư tưởng cho dân tộc ta, đất nước ta. Đó là ý chí giành lại độc lập, tự do cũng như "quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy" của dân tộc ta. Hai cuộc kháng chiến cứu nước ròng rã 30 năm của nhân dân ta là để thực hiện thành công ý chí đó.

Cũng ngay từ những ngày đấu tranh chống thực dân, phát xít để giành độc lập

tự do, dân tộc ta “đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít”, đứng về phía thế giới văn minh tiến bộ, chống lại các thế lực phản động phát xít tàn bạo dã man, thực hiện các quyền thiêng liêng mà tạo hóa đã ban cho mỗi dân tộc, mỗi con người - “quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

CHÚ THÍCH

(1). Trần Văn Giàu: *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam - Từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*, Tập III, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr. 41.

(2), (4). Xem: Jay M. Shafritz: *Từ điển về chính quyền và chính trị Hoa Kỳ*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 995.

(3). Theo Báo *Cứu Quốc*, 5-9-1945. Những trích dẫn tiếp theo từ Tuyên ngôn độc lập trong bài này là theo báo *Cứu quốc*, 5-9-1975

(5). *Teheran, Yalta, Potsdam. Tuyển tập văn kiện*. Nxb. Quan hệ quốc tế, Mátxcova, 1970, tr. 99, tiếng Nga.

(6). Dẫn theo: Hùng Thắng - Nguyễn Thành: *Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận giải phóng dân tộc*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr. 131.

Ngày nay, nhân dân ta tiến hành công cuộc Đổi mới, hội nhập quốc tế, thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh như điều mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh đối với dân tộc ta trong Di chúc của Người, mà Người đã chỉ ra từ những giá trị tư tưởng lớn trong Tuyên ngôn độc lập năm 1945.

(7), (8), (9). *Đề cương về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa của Đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản ngày 1.9.1928*. Trong: *Quốc tế cộng sản với vấn đề dân tộc và thuộc địa*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 63; 65; 67-68.

(10). Xem: G.Đimitrốp. *Tuyển tập*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1961, tr. 155.

(11). *Văn kiện Đảng - 1939 -1945*. BNCLSĐTW xuất bản, Hà Nội, 1977, tr. 224, 227.

(12). Viện Mác - Lênin, Thành ủy Hà Nội: *Chủ tịch Hồ Chí Minh, người chiến sĩ kiên cường của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*. Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1990, tr. 252 - 253.

